

Số: 167/NQ-HĐKĐCLV

Nghệ An, ngày 09 tháng 01 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục
Chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Ngôn ngữ Anh
của Học viện Báo chí và Tuyên truyền

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-KĐCLGDDHV ngày 26/6/2019 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh về việc thành lập Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh, nhiệm kỳ 2018-2023;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-KĐCLGDDHV ngày 27/9/2018 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh ban hành Quy định hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh của Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn đánh giá ngoài;

Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại phiên họp XIII ngày 08/01/2023 của Hội đồng.

QUYẾT NGHỊ

1. Đoàn đánh giá ngoài thực hiện khảo sát chính thức từ ngày 21 đến ngày 25 tháng 10 năm 2022 và đã tiến hành đánh giá độc lập, khách quan, trung thực, công khai, minh bạch đúng quy trình, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

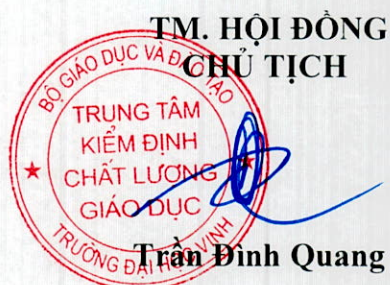
2. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Ngôn ngữ Anh của Học viện Báo chí và Tuyên truyền của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Kết luận về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo như sau: số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” từ 4,0 điểm trở lên là 44 tiêu chí trên tổng số 50 tiêu chí, chiếm 88%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí “đạt yêu cầu” (chi tiết trong Phụ lục I).



3. Kiến nghị Học viện Báo chí và Tuyên truyền tham khảo 11 nhóm khuyến nghị của Hội đồng (chi tiết trong Phụ lục II) và xây dựng kế hoạch, giải pháp cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục của Học viện.

4. Căn cứ Điều 23 của Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp quy định về điều kiện công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng chương trình đào tạo, Hội đồng đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh cấp Giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng giáo dục cho Chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Ngôn ngữ Anh của Học viện Báo chí và Tuyên truyền theo quy định hiện hành.

5. Chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục tiếp theo của Chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Ngôn ngữ Anh của Học viện Báo chí và Tuyên truyền được tính từ ngày ban hành Quyết định công nhận Chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục./.





Phụ lục I

**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
CỦA HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN**

(Kèm theo Nghị quyết số 167/NQ-HĐKĐCLV ngày 09/ 01/2023 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Mức đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Mức đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn				
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)		
Tiêu chuẩn 1					Tiêu chuẩn 7						
Tiêu chí 1.1	4	4,00	3	100	Tiêu chí 7.1	4	4,00	5	100		
Tiêu chí 1.2	4				Tiêu chí 7.2	4					
Tiêu chí 1.3	4				Tiêu chí 7.3	4					
Tiêu chuẩn 2				Tiêu chí 7.4	4						
Tiêu chí 2.1	3	3,67	2	66,67	Tiêu chí 7.5	4	Tiêu chuẩn 8				
Tiêu chí 2.2	4				Tiêu chí 8.1	4	4,20	5	100		
Tiêu chí 2.3	4				Tiêu chí 8.2	4					
Tiêu chuẩn 3				Tiêu chí 8.3	4						
Tiêu chí 3.1	4	3,67	2	66,67	Tiêu chí 8.4	4					
Tiêu chí 3.2	3				Tiêu chí 8.5	5					
Tiêu chí 3.3	4				Tiêu chuẩn 9						
Tiêu chuẩn 4					Tiêu chí 9.1	5	4,40	5	100		
Tiêu chí 4.1	4	4,00	3	100	Tiêu chí 9.2	4					
Tiêu chí 4.2	4				Tiêu chí 9.3	4					
Tiêu chí 4.3	4				Tiêu chí 9.4	4					
Tiêu chuẩn 5					Tiêu chí 9.5	5	Tiêu chuẩn 10				
Tiêu chí 5.1	4	3,80	4	80,00	Tiêu chí 10.1	4	3,67	4	66,67		
Tiêu chí 5.2	4				Tiêu chí 10.2	4					
Tiêu chí 5.3	3				Tiêu chí 10.3	3					
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 10.4	4					
Tiêu chí 5.5	4				Tiêu chí 10.5	4					
Tiêu chuẩn 6					Tiêu chí 10.6	3				Tiêu chuẩn 11	
Tiêu chí 6.1	5	4,00	6	85,71	Tiêu chí 11.1	4	4,00	5	100		
Tiêu chí 6.2	4				Tiêu chí 11.2	4					
Tiêu chí 6.3	4				Tiêu chí 11.3	4					
Tiêu chí 6.4	3				Tiêu chí 11.4	4					
Tiêu chí 6.5	4				Tiêu chí 11.5	4					
Tiêu chí 6.6	4										
Tiêu chí 6.7	4										
Mức trung bình					Số tiêu chí đạt		Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)				
3,96					44		88,00				

ỤC V
UNG
IỂM H
HẤT L
GIÁO
ÔNG E

Phụ lục II



CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NGÀNH NGÔN NGỮ ANH CỦA HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

(Kèm theo Nghị quyết số 167/NQ-HĐKĐCLV ngày 09/01/2023 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh)

Chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Ngôn ngữ Anh (sau đây gọi tắt là CTĐT) của Học viện Báo chí và Tuyên truyền (Học viện), giai đoạn 2017 - 2022, đã được Học viện tự đánh giá và được Đoàn đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá cho thấy, CTĐT có những điểm mạnh đáng ghi nhận như sau:

Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Học viện, với mục tiêu của của giáo dục đại học. Bản mô tả và đề cương học phần đầy đủ nội dung cơ bản, được định kỳ rà soát và phổ biến đến các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên các yêu cầu của chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Hoạt động dạy, học và kiểm tra đánh giá được thiết kế đa dạng, phù hợp, góp phần nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học. Công tác tuyển dụng, đào tạo, sử dụng, đánh giá năng lực và việc thực thi nhiệm vụ của đội ngũ giảng viên, nhân viên được quản lý. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và công bố công khai; sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện được giám sát chặt chẽ. người học được hỗ trợ, tư vấn trong suốt quá trình học; kết quả rèn luyện, học tập, khối lượng học tập của người học thường xuyên được giám sát. Hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng phong phú, có đủ trang thiết bị phù hợp phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Thư viện có đầy đủ học liệu, không gian tự học cho hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực và phản hồi từ các bên liên quan được xác lập. Các quy định về quản lý quá trình dạy học, đánh giá kết quả học tập của người học đảm bảo tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra. Các đề tài nghiên cứu khoa học được vận dụng trọng hoạt động giảng dạy. Cơ sở dữ liệu về tỉ lệ người học tốt nghiệp, thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình, tỉ lệ có việc làm, kết quả nghiên cứu khoa học của sinh viên và mức độ hài lòng của các bên liên quan được thu thập, phân tích phục vụ cho việc cải tiến chất lượng.

Tuy nhiên, để CTĐT tiếp tục được cải tiến, nâng cao chất lượng hơn nữa, Hội đồng kiến nghị Học viện quan tâm các lĩnh vực theo 11 nhóm giải pháp sau đây:

(i) Rà soát, bổ sung mục tiêu đào tạo theo hướng có năng lực hội nhập quốc tế, theo Luật giáo dục đại học và đặc thù ngành học. Tiếp tục rà soát, điều chỉnh chuẩn

đầu ra đảm bảo theo đúng nguyên tắc SMART. Tăng cường đối sánh chuẩn đầu ra của các CTĐT tương đương trong và ngoài nước, sử dụng hiệu quả thông tin từ việc đối sánh, thông tin phản hồi từ các bên liên quan vào việc điều chỉnh chuẩn đầu ra đảm bảo có thể đo lường và đánh giá được.

(ii) Rà soát, điều chỉnh Bản mô tả CTĐT đảm bảo đầy đủ nội dung theo đúng quy định, trong đó định hướng tích hợp tên các học phần thực hành ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) theo xu hướng chung của thế giới. Định kì tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan về hình thức và nội dung các bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần để có cơ sở cải tiến. Đa dạng hóa các hình thức phổ biến, công khai rộng rãi Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần tới các bên liên quan để dễ dàng nắm bắt và sử dụng.

(iii) Tiếp tục rà soát, điều chỉnh chương trình dạy học một cách khoa học, đảm bảo tính cập nhật, thiết kế thêm học phần tự chọn phong phú giúp người học đạt được các chuẩn đầu ra; rà soát mức độ đóng góp, phân nhiệm của chuẩn đầu ra cho từng học phần của CTĐT để đảm bảo tính kết nối và tích lũy kiến thức, kĩ năng. Sử dụng hiệu quả các góp ý chuyên sâu của các chuyên gia về CTĐT, kết quả đối sánh với các CTĐT tiên tiến trong nước hoặc quốc tế để điều chỉnh, phát triển chương trình dạy học.

(iv) Tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan về nội hàm Triết lí giáo dục, rà soát số lượng và nội hàm các giá trị cốt lõi được tuyên bố trong giai đoạn đánh giá; tập huấn chuyên sâu để giảng viên và người học chuyên tải hiệu quả Triết lí giáo dục vào các hoạt động dạy và học cụ thể. Tăng cường sử dụng các hình thức dạy học qua dự án, đóng kịch, sắm vai, thực tế môn học, kiến tập.... Tổ chức nhiều hoạt động giao lưu đa dạng với các trường chuyên ngữ khác, tọa đàm với học giả quốc tế, nhà tuyển dụng.

(v) Xây dựng các quy định, hướng dẫn cụ thể, chi tiết về kiểm tra đánh giá, hướng dẫn xây dựng và sử dụng các rubrics để đo lường, đánh giá các chuẩn đầu ra về kĩ năng mềm, thái độ, mức tự chủ, trách nhiệm của người học. Tăng cường sử dụng rubrics đánh giá chi tiết cho bài tập dự án dịch thuật, bài tập lớn. Định kì phân tích và đánh giá hiệu quả sử dụng các hình thức, phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá để có điều chỉnh phù hợp. Tổ chức khảo sát ý kiến người học về việc phản hồi kết quả kiểm tra đánh giá để có kế hoạch cải tiến.

(vi) Rà soát các mục tiêu chiến lược của Khoa/ngành, chi tiết hoá lộ trình triển khai kế hoạch với chỉ số định lượng cụ thể, tạo thuận lợi cho hoạt động rà soát, đánh giá hàng năm. Phân bổ số giờ thực hiện hoạt động giảng dạy chuyên môn của ngành và các học phần tiếng Anh không chuyên một cách phù hợp. Ban hành văn bản riêng về việc lựa chọn đội ngũ để tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành và bối cảnh thực tế. Rà soát quy định đánh giá năng lực của đội

ngũ giảng viên bao gồm các tiêu chí về giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Xây dựng các hướng nghiên cứu, thành lập các nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh nhằm đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu khoa học với các cơ sở nghiên cứu trong và ngoài nước. Tích cực tìm hiểu thị trường khoa học công nghệ trong nước để có thêm nhiều đề tài dự án các cấp nhằm tăng số lượng và chất lượng nghiên cứu.

(vii) Tiếp tục rà soát vị trí việc làm, điều chuyển, bổ sung, phân bổ hợp lý đội ngũ nhân viên nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Rà soát, điều chỉnh Quy định về việc tuyển dụng viên chức, quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển đội ngũ cán bộ gắn với Đề án vị trí việc làm và Nghị định 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ, trong đó quan tâm đến các chính sách thu hút đội ngũ nhân viên có năng lực cao về công tác tại Khoa. Tổng kết tính hiệu quả của các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ nhân viên làm căn cứ cho cải tiến chất lượng; chú trọng hơn nữa các khóa tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ.

(viii) Cải tiến hoạt động thu thập ý kiến của các bên liên quan về xây dựng chính sách tuyển sinh để có thể thu hút được sinh viên chất lượng cao hơn. Định kỳ rà soát, đánh giá hiệu quả của đội ngũ cố vấn học tập, đồng thời cải tiến phần mềm quản lý đào tạo để có thể phân quyền nhiều hơn cho các cá nhân đơn vị liên quan, tiện lợi trong việc nắm bắt tình hình học tập, rèn luyện của người học; tăng cường hiệu quả công tác tư vấn việc làm để tăng tỉ lệ sinh viên làm việc phù hợp với chuyên môn được đào tạo, tạo thêm không gian hoạt động cho các câu lạc bộ, sinh hoạt đội nhóm của sinh viên, không gian riêng cho hoạt động chuyên môn giữa cố vấn học tập và người học.

(ix) Tăng cường số lượng phòng học ứng dụng công nghệ hiện đại; kết nối nguồn học liệu số với các trường đại học khác; thúc đẩy việc xuất bản tài liệu lưu hành nội bộ hiện có và cập nhật tài liệu học tập mới cho các học phần trong CTĐT. Tăng cường kỹ năng khai thác, sử dụng hiệu quả các trang thiết bị thực hành cho giảng viên; đẩy mạnh công tác ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động dạy và học. Phát triển phần mềm quản lý thư viện phục vụ công tác thống kê, quản lý; đầu tư phần mềm quản lý minh chứng phục vụ công tác đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục.

(x) Xây dựng kế hoạch thu thập ý kiến phản hồi từ các bên liên quan riêng cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng với mẫu phiếu khảo sát đầy đủ thông tin phù hợp; phân tích, sử dụng hiệu quả dữ liệu phản hồi để cải tiến nâng cao chất lượng; mở rộng đối tượng khảo sát là nhà tuyển dụng khi góp ý về chương trình dạy học nhằm thu thập dữ liệu một cách toàn diện hơn, phục vụ tốt hơn cho việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học. Xây dựng, ban hành quy định,

quy trình phân tích các phổ điểm sau mỗi đợt thi kết thúc học phần; nghiên cứu cải tiến, áp dụng các hình thức kiểm tra đánh giá tiên tiến đảm bảo đánh giá tốt hơn năng lực của người học. Bồi dưỡng nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của giảng viên và đặc biệt đội ngũ giảng viên trẻ trong Khoa.

(xi) Xây dựng, ban hành quy định chi tiết về công tác giám sát, thống kê, phân tích, đối sánh tỉ lệ sinh viên thôi học, tốt nghiệp đúng hạn và tính thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên các khóa đào tạo và hoàn thiện phần mềm quản lí đào tạo để thuận lợi cho các đơn vị triển khai thực hiện. Xây dựng các giải pháp để tăng số sinh viên tốt nghiệp đúng hạn và tăng cường chất lượng nghiên cứu khoa học của sinh viên. Nghiên cứu giải pháp nâng cao hiệu quả của hoạt động đối sánh trong việc cải tiến chất lượng và khảo sát chất lượng sinh viên tốt nghiệp.

* * *

Trên đây là những nhóm giải pháp tổng hợp, Học viện cần đồng thời nghiên cứu sâu Báo cáo đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch và những giải pháp cụ thể, khả thi cho việc thực hiện đảm bảo và cải tiến chất lượng giáo dục của Học viện.

Sau nửa chu kì kiểm định chất lượng giáo dục, vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục, Học viện cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục đối với CTĐT gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh theo quy định./.

